**A picture containing logo

Description automatically generated**

**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Top 10 Công ty Thức ăn chăn nuôi uy tín năm 2022)*

|  |  |
| --- | --- |
| Vietnam Report cam kết phiếu điều tra chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin công ty cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin. Kính đề nghị Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 04/11/2022.**  Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp! | Quý Doanh nghiệp vui lòng quét mã QR để tải bản mềm (nếu cần):  Qr code  Description automatically generated |

**THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU**

Họ và tên: ………………………………………………………………………………………….…………

Bộ phận làm việc: ……………………………………………………………………………………………

Số điện thoại liên lạc: ……………………………………………………………………………………….

Email:……………………………………………………………………………….……………………….

|  |
| --- |
| PHẦN I: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP |

1. **Tên Công ty:** …………………………………………………………………………………………….
2. **Mã số thuế:** …………………………………………………………………………………………........
3. **Năm thành lập:** ……………………………………………………………………………………........
4. **Loại hình hoạt động của Công ty:**

Nhà nước

Tư nhân trong nước

Có vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 50%

1. **Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty** (vui lòng chọn lĩnh vực đóng góp vào doanh thu năm tài chính gần đây nhiều nhất)

Sản xuất và tiêu thụ con giống *(chiếm tỷ trọng …………………………………………..….% doanh thu)*

Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản *(chiếm tỷ trọng ……………………………….% doanh thu)*

Chế biến thực phẩm *(chiếm tỷ trọng ……………………………………………………….…% doanh thu)*

Khác (ghi rõ: ………………………………………….: *chiếm tỷ trọng………………… % doanh thu*)

1. **Cơ cấu doanh thu lĩnh vực thức ăn chăn nuôi của Quý Doanh nghiệp hiện nay đến từ các dòng sản phẩm nào?**

Thức ăn cho gia súc *(chiếm tỷ trọng ………………………………………………………...% doanh thu)*

Thức ăn cho gia cầm *(chiếm tỷ trọng ……………………………………………………… .% doanh thu)*

Thức ăn cho thủy sản *(chiếm tỷ trọng ……………………………………………………….% doanh thu)*

Khác (ghi rõ………………………………………………………………………………………….)

1. **Quy mô thị trường:** Doanh nghiệp hiện có ……………………….. cơ sở phân phối/ đại lý chính hãng.
2. **Thông tin tài chính của doanh nghiệp (Đơn vị tính: Triệu đồng)**

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2021** | **Kế hoạch năm 2022** | **Thực hiện 9 tháng đầu năm 2022** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng tài sản |  |  |  |
| Vốn chủ sở hữu |  |  |  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ |  |  |  |
| Tổng doanh thu (\*) |  |  |  |
| Giá vốn hàng bán |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế |  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế |  |  |  |

*(\*) Tổng doanh thu được tính bằng tổng các khoản doanh thu thu về của Công ty (không bao gồm các khoản giảm trừ)*

|  |
| --- |
| **PHẦN II: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP** |

1. **Tổng quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm 2021? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án*)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |
| Năng suất lao động bình quân |  |  |  |  |  |
| Số lượng nhân viên |  |  |  |  |  |
| Số lượng khách hàng |  |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp cho biết tình hình chi phí hiện nay thay đổi như thế nào so với cùng kỳ năm 2021? (vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Chi phí lao động |  |  |  |  |  |
| Chi phí nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |
| Chi phí bán hàng, marketing |  |  |  |  |  |
| Chi phí chuyển đổi công nghệ |  |  |  |  |  |
| Chi phí đầu tư phát triển bền vững |  |  |  |  |  |

1. **Những khó khăn dưới đây tác động như thế nào tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong năm vừa qua? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

| **Khó khăn** | **Không tác động** | **Tác động ít** | **Tác động tương đối** | **Tác động lớn** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |
| Rủi ro từ chuỗi cung ứng |  |  |  |  |
| Giảm số lượng đơn hàng, hàng tồn kho tăng lên |  |  |  |  |
| Sức ép đến từ tỷ giá gia tăng |  |  |  |  |
| Lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia |  |  |  |  |
| Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, lãi suất huy động tăng |  |  |  |  |
| Rủi ro an ninh mạng |  |  |  |  |
| Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |
| Thiên tai, dịch bệnh |  |  |  |  |
| Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm |  |  |  |  |
| Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết:……………………………….) |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo những khó khăn trên sẽ kéo dài trong bao lâu? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

| **Khó khăn** | **Không  kéo dài** | **Cuối năm 2022** | **Cuối năm 2023** | **Qua năm 2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |
| Rủi ro từ chuỗi cung ứng |  |  |  |  |
| Giảm số lượng đơn hàng, hàng tồn kho tăng lên |  |  |  |  |
| Sức ép đến từ tỷ giá gia tăng |  |  |  |  |
| Lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia |  |  |  |  |
| Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, lãi suất huy động tăng |  |  |  |  |
| Rủi ro an ninh mạng |  |  |  |  |
| Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |
| Thiên tai, dịch bệnh |  |  |  |  |
| Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm |  |  |  |  |
| Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết:………………………………) |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| PHẦN III: TRIỂN VỌNG KINH DOANH VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH |

1. **Dựa trên thực trạng hiện nay của nền kinh tế Việt Nam, niềm tin của Quý Doanh nghiệp vào sự phát triển nhanh chóng của Kinh tế Việt Nam trong năm 2023 như thế nào?**

Có niềm tin rõ rệt

Có niềm tin tương đối rõ rệt

Chưa có nhiều niềm tin

Không có kỳ vọng

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng ngành Thức ăn chăn nuôi trong năm 2023 so với năm 2022 sẽ như thế nào?**

Tăng trưởng sẽ thấp hơn rất nhiều

Tăng trưởng sẽ thấp hơn một chút

Duy trì tốc độ tăng trưởng

Tăng trưởng khả quan, tốt hơn một chút

Tăng trưởng mạnh, tốt hơn nhiều

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp mình trong năm 2023 so với năm 2022 sẽ như thế nào?**

Khó khăn hơn rất nhiều

Khó khăn hơn một chút

Không thay đổi

Khả quan hơn một chút

Khả quan hơn rất nhiều

1. **Kỳ vọng của Quý Doanh nghiệp đối với một số chỉ tiêu sau của năm 2023 sẽ như thế nào so với năm 2022?**

| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi**  **đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên**  **đáng kể** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo thế nào về thay đổi trong nhu cầu khách hàng đối với các nhóm sản phẩm sau trong ít nhất 6 tháng tới đây?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Không rõ** | **Giảm đi** | **Không thay đổi** | **Tăng lên** |
| Thức ăn cho lợn (heo) |  |  |  |  |
| Thức ăn cho động vật nhai lại: trâu, bò…) |  |  |  |  |
| Thức ăn cho gia cầm |  |  |  |  |
| Thức ăn cho thủy sản |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về mức độ ảnh hưởng trên thang điểm 5 của các yếu tố sau đến việc thiết lập định hướng chiến lược tương lai trong thời kỳ bình thường tiếp theo? *(Với 1-Ít ảnh hưởng và 5-Ảnh hưởng rất nhiều)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Yếu tố bên ngoài** | | | | | |
| Tình hình kinh tế vĩ mô |  |  |  |  |  |
| Diễn biến dịch bệnh (COVID-19 |  |  |  |  |  |
| Xung đột chính trị Nga - Ukraine |  |  |  |  |  |
| Sự biến động của thị trường TACN |  |  |  |  |  |
| Nhu cầu và sở thích của người tiêu dùng thay đổi |  |  |  |  |  |
| Cạnh tranh thị phần giữa các doanh nghiệp trong nước |  |  |  |  |  |
| Hoạt động M&A/Sự gia nhập của các công ty nước ngoài |  |  |  |  |  |
| Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |  |
| Thời tiết, biến đổi khí hậu |  |  |  |  |  |
| Các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết |  |  |  |  |  |
| Chiến lược và chính sách phát triển ngành chăn nuôi của Chính phủ và địa phương |  |  |  |  |  |
| Xu hướng và quy định phát triển chăn nuôi an toàn sinh học |  |  |  |  |  |
| **Yếu tố bên trong** | | | | | |
| Hoạt động marketing của Doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Tiềm lực tài chính của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| Chất lượng nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Khả năng quản lý rủi ro trong doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Sự tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ và cải tiến quy trình vận hành |  |  |  |  |  |
| Tốc độ ứng phó và sự thích nghi của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Văn hóa và giá trị cốt lõi |  |  |  |  |  |
| Đầu tư cho tăng trưởng bền vững |  |  |  |  |  |

1. **Đánh giá về 5 áp lực cạnh tranh của Quý doanh nghiệp theo các yếu tố sau?**

| **Yếu tố** | **Thấp** | **Trung bình** | **Cao** |
| --- | --- | --- | --- |
| Sự cạnh tranh trong ngành |  |  |  |
| Đối thủ cạnh tranh tiềm năng |  |  |  |
| Quyền thương lượng của nhà cung ứng |  |  |  |
| Quyền thương lượng của khách hàng |  |  |  |
| Sự đe dọa đến từ sản phẩm thay thế |  |  |  |

1. **Đánh giá của Quý Doanh nghiệp về mức độ triển khai các hoạt động dưới đây tại doanh nghiệp?**

|  | **Rất hạn chế** | **Hạn chế** | **Vừa phải** | **Chú trọng** | **Rất chú trọng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nghiên cứu thị trường, sản xuất ra các loại thức ăn chăn nuôi phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi |  |  |  |  |  |
| Chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng |  |  |  |  |  |
| Tăng cường chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu (mua bằng phát minh, sáng chế, hợp tác…) |  |  |  |  |  |
| Nâng cấp, đầu tư nhà máy sản xuất đạt chuẩn quốc tế |  |  |  |  |  |
| Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao |  |  |  |  |  |
| Tăng cường dự trữ hàng tồn kho |  |  |  |  |  |
| Liên kết với hộ nông dân |  |  |  |  |  |
| Liên minh giữa các đối tác không cạnh tranh (nhà cung cấp nguyên liệu, máy móc, nhà phân phối…) |  |  |  |  |  |
| Kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào |  |  |  |  |  |
| Kiểm soát rủi ro về môi trường |  |  |  |  |  |
| Kiểm soát rủi ro tài chính |  |  |  |  |  |
| Đánh giá năng lực nhà thuốc, đại lý để tối ưu hóa chính sách bán hàng |  |  |  |  |  |

1. **Đâu là Top 3 yếu tố chính thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Quý Doanh nghiệp?**

Việc triển khai chiến lược phát triển bền vững có thể nâng cao giá trị thương hiệu của doanh nghiệp

Khách hàng của doanh nghiệp coi trọng các hành động phát triển bền vững có thể đạt được

Chính phủ ban hành các quy định liên quan

Các nhà cung cấp của doanh nghiệp coi trọng các hành động phát triển bền vững

Doanh nghiệp có thể xác định các rủi ro và cơ hội bằng cách thực hiện chiến lược phát triển bền vững

Những biến động bất ngờ từ thiên tai, dịch bệnh

Doanh nghiệp của chúng tôi chưa có ý định thực hiện mục tiêu phát triển bền vững

Khác (vui lòng ghi rõ………………………………………………………………………..)

1. **Theo Quý Doanh nghiệp đâu là Top 5 giải pháp trọng tâm của doanh nghiệp trong thời kỳ bình thường tiếp theo?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trong ngắn hạn** | **Trong dài hạn** |
| Nghiên cứu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi hữu cơ, đạt tiêu chuẩn chất lượng an toàn sinh học |  |  |
| Đầu tư máy móc và dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi tự động hóa, đạt tiêu chuẩn quốc tế |  |  |
| Tập trung xây dựng nhóm hàng chiến lược có doanh số lớn và lợi nhuận cao |  |  |
| Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu |  |  |
| Thực hiện M&A, liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài |  |  |
| Tìm kiếm, đa dạng nhà cung cấp nguyên vật liệu với giá cạnh tranh |  |  |
| Phát triển tổ hợp mô hình an toàn sinh học 4F (Farm- Food- Feed- Fertilizer) |  |  |
| Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý của công ty |  |  |
| Phát triển, mở rộng sản xuất và kênh phân phối |  |  |
| Hạ thấp chi phí |  |  |
| Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao |  |  |
| Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường |  |  |
| Tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro tài chính, biến động giá và chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào |  |  |
| Khác (vui lòng ghi rõ: ……………………………………) |  |  |

1. **Theo Quý doanh nghiệp, đâu là Top 5 giải pháp mà Chính phủ nên chú trọng để hỗ trợ tốt nhất cho thị trường Thức ăn chăn nuôi trong thời gian tới đây?**

Tăng thuế nhập khẩu các loại thịt lợn, gia cầm, v.v

Giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất

Hỗ trợ kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh và phát triển đàn vật nuôi ở các địa phương

Hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân phát triển tổ hợp mô hình an toàn sinh học 4F (Farm- Food- Feed- Fertilizer)

Hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo kỹ thuật và nghiên cứu sản xuất

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tránh tình trạng hàng giả, hàng nhái

Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, đặc biệt với sản phẩm mới đưa ra thị trường bằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Tổ chức quy hoạch và phát triển nguồn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi

Nâng cao công tác thống kê, dự báo thị trường ngành chăn nuôi, cân đối sản lượng TACN trong nước với tốc độ phát triển của đàn gia súc, gia cầm

Rà soát, điều chỉnh mạng lưới cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ trong nước và khả năng xuất khẩu

Khuyến khích đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng cảng biển, kho bãi chuyên dùng phục vụ xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi.

|  |
| --- |
| PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU TRONG NGÀNH |

1. **Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, đâu là Công ty Thức ăn chăn nuôi tiêu biểu nhất trên thị trường Thức ăn chăn nuôi Việt Nam hiện nay?** (Xin vui lòng đánh số từ 1 – 10 doanh nghiệp trong danh sách dưới đây với thứ tự 1 là Công ty Thức ăn chăn nuôi mà Quý Công ty đánh giá tiêu biểu nhất)

**CÁC CÔNG TY THỨC ĂN CHĂN NUÔI TIÊU BIỂU NHẤT TẠI VIỆT NAM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thứ hạng** | **TÊN DOANH NGHIỆP** |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH CARGILL VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM |
|  | TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN GREENFEED VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH DE HEUS |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAVIN |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG THỊNH PHÁT |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT PHÁP SẢN XUẤT THỨC ĂN GIA SÚC PROCONCO |
|  | CÔNG TY TNHH GUYOMARC'H VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY TNHH THỨC ĂN GIA SÚC LÁI THIÊU |
|  | CÔNG TY TNHH THỨC ĂN CHĂN NUÔI HOA KỲ |
|  | CÔNG TY TNHH MTV THỨC ĂN THỦY SẢN MEKONG |
|  | CÔNG TY CP DINH DƯỠNG HỒNG HÀ |
|  | CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ |
|  | CÔNG TY TNHH CỎ MAY LAI VUNG |
|  | CÔNG TY TNHH VINA |
|  | CÔNG TY TNHH RUBY |
|  | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TIẾN ĐẠI PHÁT |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG VƯƠNG |
|  | CÔNG TY TNHH NEW HOPE VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY CP THỨC ĂN THỦY SẢN HÙNG CÁ |
|  | CÔNG TY TNHH SUNJIN VINA |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*